

Bản án số: 71/2024/HS-ST
Ngày 17-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn T

Ông Nguyễn Việt T

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm T - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, Ti Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1992 Ti Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu G, xã, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1962, Con bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 người con, con lớn N sinh năm 2015, con nhỏ N sinh năm 2017; Gia đình bị cáo có 5 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Tiền án: 01: Ti bản án số 38/2018/HSST ngày 26/7/2018 của TAND huyện Cẩm Khê xử phạt Nguyễn Văn L 22.000.000đ về tội Đánh bạc. Hiện nay, L chưa chấp H xong bản án; Tiền sự: 01: Ti quyết định xử phạt vi phạm H chính số 05/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024, Nguyễn Văn L bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cẩm Khê xử phạt 2.500.000đ về H vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp H xong ngày 29/01/2024; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Ti ngoại Ti xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

2. Dư Anh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 5 năm 1984 Ti Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu A, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Dư Hữu G, sinh năm

1964, Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; Bị cáo có 03 người con, con lớn N sinh năm 2011, con nhỏ N sinh năm 2017; Gia đình bị cáo có 5 anh, em, bị cáo là con thứ 1 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Tỉ quyết định xử phạt vi phạm H chính số 102/QĐ-XPHC ngày 23/10/2020, Dư Anh T bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt 350.000đ về H vi Đánh bạc. Bị cáo chấp H xong ngày 26/10/2020; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn“Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Tỉ ngoại Tỉ xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3. Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1993 Tỉ Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu Y, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968, Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Vợ: Tống Thúy Q, sinh năm 2000; Bị cáo có 02 người con, con lớn N sinh năm 2018, con nhỏ N sinh năm 2023; Gia đình bị cáo có 5 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Tỉ quyết định xử phạt vi phạm H chính số 20/QĐ-XPHC ngày 20/4/2015, Nguyễn Văn C bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt 500.000đ về H vi Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo chấp H xong ngày 18/5/2015; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn“Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Tỉ ngoại Tỉ xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

4. Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 8 năm 1996 Tỉ Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu T, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn X, sinh năm 1966, Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Vợ: Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1999; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2023; Gia đình bị cáo có 5 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Tỉ quyết định xử phạt vi phạm H chính số 28/QĐ-XPHC ngày 20/4/2015, Nguyễn Văn T bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt 2.000.000đ về H vi Cố ý gây thương tích. Bị cáo chấp H xong ngày 18/5/2015; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn“Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Tỉ ngoại Tỉ xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

5. Nguyễn Văn N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 12 năm 1992 Tỉ Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu G, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971; Con bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1973 (đã chết); Vợ, con: chưa có; Gia đình bị cáo có 3 anh, em, bị cáo là con thứ 1 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn“Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Tỉ ngoại Tỉ xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

6. Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1991 Ti Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu X, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1958, Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 người con, con lớn N sinh năm 2014, con nhỏ N sinh năm 2016; Gia đình bị cáo có 3 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Ti ngoại Ti xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

7. Trần Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 12 năm 1985 Ti Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1955, Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 người con, con lớn N sinh năm 2012, con nhỏ N sinh năm 2014; Gia đình bị cáo có 3 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Ti ngoại Ti xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

8. Cù T H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23 tháng 6 năm 1986 Ti Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu C, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Cù T X, sinh năm 1945, Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1945; Vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1988; Bị cáo có 02 người con, con lớn N sinh năm 2009, con nhỏ N sinh năm 2010; Gia đình bị cáo có 7 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 7 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Ti ngoại Ti xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

9. Bùi Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 10 năm 1982 Ti Cẩm Khê, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu C, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1947, Con bà: Trần Thị S, sinh năm 1952; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Bị cáo có 03 người con, con lớn N sinh năm 2004, con nhỏ N sinh năm 2017; Gia đình bị cáo có 6 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 17/4/2024. Hiện đang Ti ngoại Ti xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt Ti phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Q: Bà Bùi Thu H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người có quyền liên nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu X, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến Ti phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 01 giờ 00 phút ngày 15/4/2024, Ti nhà anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976 ở khu X, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, Công an huyện Cẩm Khê phối hợp cùng Công an xã N, huyện Cẩm Khê bắt quả tang **Trần Văn Q** - sinh năm 1985, trú Ti: khu D, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Cù T H** - sinh năm 1986, trú Ti: khu C, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Bùi Văn H** - sinh năm 1982, trú Ti: khu C, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Nguyễn Văn C** - sinh năm 1993, trú Ti: khu X, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Nguyễn Văn N** - sinh năm 1992, trú Ti: khu G, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Nguyễn Văn C** - sinh năm 1991, trú Ti: khu Xóm T, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Dư Anh T** - sinh năm 1984, trú Ti: khu A, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1996, trú Ti: khu T T, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đang có H vi đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng, sát phạt nhau bằng tiền. Quá trình Công an huyện Cẩm Khê bắt quả tang có **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992 ở khu G, xã N, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Ti chỗ, L khai nhận là người tổ chức cho 8 đối tượng trên đánh bạc.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ Ti chiếu bạc: 01 vỏ chăn có hoa văn kích thước 1,8mx2m, 52 quân bài tú lơ khơ, 01 thảm sếp có hoa văn kích thước 1,85mx2m, 35.500.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu H.

- Tm giữ trên người Nguyễn Văn L 01 túi giả da màu nâu kích thước 35cmx18cm, bên trong có 41.000.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu H, L khai nhận, trong đó: 2.400.000đ là tiền “hồ” thu được của các đối tượng đánh bạc, 1.200.000đ là tiền lãi L cho các đối tượng vay, 37.400.000đ là tiền L chuẩn bị để cho các đối tượng vay đánh bạc.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Do có quen biết và bản thân đi làm ăn xa nên từ khoảng đầu tháng 4/2024, anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976 ở khu X, xã N, huyện Cẩm Khê có nhờ Nguyễn Văn L trông nhà hộ anh S ở khu X, xã N, huyện Cẩm Khê. Trong thời gian trông nhà hộ anh S, L đã nảy sinh ý định sử dụng nhà anh S tổ chức cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm đánh bạc). Ngày 14/4/2024, L có gặp và rủ Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T buổi tối cùng ngày đến nhà anh Nguyễn Thanh S để đánh bạc. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn

C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T đến nhà anh S, L dẫn tất cả vào phòng ngủ tầng 1 nhà anh S để đánh bạc. L là người chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, lấy chăn và thảm có sẵn trong nhà anh S trải xuống nền phòng ngủ để các đối tượng ngồi đánh bạc, đồng thời L chuẩn bị sẵn 57.400.000đ đút vào 01 túi giả da màu nâu để cho các đối tượng vay sử dụng vào mục đích đánh bạc để L thu tiền “hồ” và tiền lãi. Các đối tượng thống N đánh bạc dưới hình thức đánh liêng, sát phạt nhau bằng tiền, mỗi ván trông cửa 100.000đ, ai tố cao hơn thì tùy nhưng không quá 1.000.000đ (không rõ ai là người đưa ra hình thức đánh bạc).

Hình thức đánh liêng là: Người cầm cái sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ chia cho mỗi người 03 quân bài, quy định: quân A đến quân 9 là từ 1 đến 9 điểm, quân 10, j, q, k là 0 điểm, chất rô là lớn N tiếp theo là chất cơ, tép, bích. Sau đó, từng người lên bài. Sau khi lên bài xong, người chia bài sẽ là được tố đầu tiên, nếu không có ai tố hoặc theo thì tất cả thua và mất số tiền đã cược cho người tố, nếu có người tố hoặc theo thì sau đó so bài, ai được sấp lớn N (tức là có 03 quân bài giống nhau) thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi, không có ai sấp thì tính đến liêng nghĩa là ai được 3 quân bài liên tiếp lớn N thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi, nếu không có người nào liêng hoặc sấp thì tính đến ảnh nghĩa là có 3 quân bài đầu người lớn N thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi, nếu không ai có sấp, liêng, ảnh thì tính điểm, cao N là 9 điểm, thấp N là 0 điểm, bằng điểm nhau tính chất, lớn N là chất rô sau đó đến chất cơ, tép, bích, ai có chất cao N thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi. Ván đầu tiên N là người chia bài.

Trước khi đánh bạc, L có bảo ai không có tiền đánh bạc thì L cho vay nhưng phải trả tiền lãi cho L, đồng thời L yêu cầu mỗi người tham gia đánh bạc phải nộp cho L 300.000đ tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm đánh bạc). N, T, C, C mỗi người hỏi vay L số tiền 5.000.000đ để sử dụng vào mục đích đánh bạc, L đồng ý cho vay (số tiền này N, T, C, C chưa trả lại cho L). Sau đó, T, N, T, C, C, H, H, Q mỗi người nộp 300.000đ tiền “hồ” cho L. Như vậy, tổng số tiền “hồ” L thu được là **2.400.000đ**. Sau khi thu được tiền “hồ”, L ngồi sau xem các đối tượng đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc.

Trước khi tham gia đánh bạc T có 4.000.000đ, T nộp 300.000đ tiền “Hồ”, số tiền còn lại 3.700.000đ, T sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; N có 2.000.000đ, N vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 7.000.000đ, N nộp 300.000đ tiền “Hồ”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 6.400.000đ, N sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; T có 2.200.000đ, T vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 7.200.000đ, T nộp 300.000đ tiền “Hồ”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 6.600.000đ, T sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; C có 100.000đ, C vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 5.100.000đ, C nộp 300.000đ tiền “Hồ”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 4.500.000đ, C sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; C có 1.700.000đ, C vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 6.700.000đ, C nộp 300.000đ tiền “Hồ”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 6.100.000đ, C sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; H có 3.000.000đ, H nộp 300.000đ tiền “Hồ”, số tiền còn lại 2.700.000đ, H sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; H có 2.000.000đ, H nộp 300.000đ tiền “Hồ”, số tiền còn lại

1.700.000đ, H sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; Q có 4.100.000đ, Q nộp 300.000đ tiền “Hò”, số tiền còn lại 3.800.000đ, Q sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là **35.500.000đ**.

Trong khi các đối tượng đang đánh bạc có anh Trần Văn Thu, sinh năm 1974 ở khu C, xã T, huyện Cẩm Khê và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980 ở khu G, xã N, huyện Cẩm Khê đến và ngồi xem không tham gia đánh bạc cùng.

Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 01 giờ 00 phút ngày 15/4/2024 thì bị Công an huyện Cẩm Khê phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Ti cơ quan điều tra Nguyễn Văn L, Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T đều đã khai nhận toàn bộ H vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Ti phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận: Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo có H vi tổ chức đánh bạc cho các bị cáo Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T Ti nhà ở của anh Nguyễn Thanh S. Bị cáo đã cho N, T, C, C mỗi người vay L số tiền 5.000.000đ để sử dụng vào mục đích đánh bạc, Số tiền này N, T, C, C chưa trả lại cho bị cáo. Bị cáo thu tiền hò của T, N, T, C, C, H, H, Q mỗi người nộp 300.000đ. Tổng số tiền “hò” bị cáo thu được là **2.400.000đ**. Sau khi thu được tiền “hò”, bị cáo ngồi sau xem các đối tượng đánh bạc, không tham gia đánh bạc. Khi Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 túi giả da màu nâu kích thước 35cmx18cm, bên trong có 41.000.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu H; trong đó: 2.400.000đ là tiền “hò” thu được của các đối tượng đánh bạc, 1.200.000đ là tiền lãi bị cáo cho các đối tượng vay, 37.400.000đ là tiền bị cáo chuẩn bị để cho các đối tượng vay đánh bạc Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Dư Anh T khai nhận: Bị cáo có số tiền là 2.200.000đ bị cáo vay thêm của bị cáo L 5.000.000đ, tổng số tiền là 7.200.000đ, bị cáo nộp 300.000đ tiền “hò”, trả cho bị cáo L 300.000đ tiền lãi, còn lại là 6.600.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận: Bị cáo có 100.000đ, vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 5.100.000đ, bị cáo nộp 300.000đ tiền “Hò”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 4.500.000đ, bị cáo sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Bị cáo có tổng số tiền là có 4.000.000đ, T nộp 300.000đ tiền “Hò”, số tiền còn lại 3.700.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, bị cáo đã bị thu giữ số tiền trên khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận: Bị cáo có tổng số tiền là 2.000.000đ, vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 7.000.000đ, bị cáo nộp 300.000đ tiền “Hồ”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 6.400.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận: Bị cáo có số tiền là 1.700.000đ, vay thêm L 5.000.000đ, tổng số tiền là 6.700.000đ, nộp 300.000đ tiền “Hồ”, trả cho L 300.000đ tiền lãi, số tiền còn lại 6.100.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Trần Văn Q khai nhận: Bị cáo có tổng số tiền là 4.100.000đ, nộp 300.000đ tiền “Hồ”, số tiền còn lại 3.800.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, là người khuyết tật nặng, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị. Bị cáo xin được miễn án phí hình sự.

Ti phiên tòa, bị cáo Cù T H khai nhận: Bị cáo có tổng số tiền là có 3.000.000đ, nộp 300.000đ tiền “Hồ”, số tiền còn lại 2.700.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti phiên tòa, bị cáo Bùi Văn H khai nhận: Bị cáo có tổng số tiền là có 2.000.000đ, nộp 300.000đ tiền “Hồ”, số tiền còn lại 1.700.000đ sử dụng vào đánh bạc hết, số tiền đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang. Bị cáo lao động tự do, không xác định được thu nhập, không có tài sản gì có giá trị.

Ti bản cáo trạng số 52/CT-VKSCK ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định Ti điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Bị cáo Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H về tội: “Đánh bạc” theo quy định Ti khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự.

Ti phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L từ 15 tháng đến 18 mười tám tháng tù. Thời hạn chấp H hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi H án, được khấu trừ thời gian Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dư Anh T từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

Xử phạt Nguyễn Văn C từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

Xử phạt Nguyễn Văn T từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

Xử phạt Nguyễn Văn N từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Xử phạt Nguyễn Văn C từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Xử phạt Cù T H từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Xử phạt Bùi Văn H từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với Trần Văn Q.

Xử phạt Trần Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024 là 03 ngày được quy đổi tH 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi H án hình sự Công an huyện Cẩm Khê nhận được quyết định thi H án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp H hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định Tí khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo do bị cáo là người khuyết tật nặng. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án về cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định Tí Luật thi H án hình sự về cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo vắng mặt Tí nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy định Tí Điều 100 Luật thi H án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: số tiền 76.500.000đ (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) (đã nộp vào tài khoản Tm gửi của Chi cục Thi H án dân sự huyện Cẩm Khê, có giấy nộp tiền kèm theo).

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ chăn có hoa văn kích thước 1,8x2 mét, 52 quần bài tú lơ khơ, 01 thảm sếp có hoa văn kích thước 1,85 x2mét; 01 chiếc túi giả da.

(Theo biên bản giao, nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng Tí Chi cục thi H án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ ngày 23/8/2024).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm

cho bị cáo Trần Văn Q. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Cù T H, Bùi Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Q bà Bùi Thu H trình bày quan điểm: N trớ với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Ti điểm i, p, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ N. Về án phí: đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Q.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về H vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng Ti phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

H vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Cẩm Khê, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và Ti phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về H vi, quyết định của Cơ quan T H tố tụng, người T H tố tụng. Do đó, các H vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T H tố tụng, người T H tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ hơn 22 giờ ngày 14/4/2024 đến 01 giờ 00 phút ngày 15/4/2024, Ti nhà anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976 ở khu X, xã N, huyện Cẩm Khê, anh S đi vắng giao nhà cho Nguyễn Văn L trông nhà hộ, L đã rủ 08 đối tượng đến đánh bạc để thu tiền “Hò” gồm: Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T đã có H vi Đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng sát phạt nhau bằng tiền bị Công an huyện Cẩm Khê bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 35.500.000đ; Nguyễn Văn L đã có H vi Tổ chức đánh bạc và thu tiền “Hò” (tiền thuê địa điểm đánh bạc) được tổng số tiền là 2.400.000đ, chuẩn bị số tiền 57.400.000đ cho các đối tượng vay tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc để thu tiền lãi, trong đó, đã cho N, T, C, C mỗi người vay 5.000.000đ, tổng số tiền là 20.000.000đ, thu lãi của 4 người trên số tiền là 1.200.000đ.

Lời khai nhận của các bị cáo Ti phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo Ti Cơ quan điều tra, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra Ti phiên tòa. Sau khi Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho H vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn N,

Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc” như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo được quy định Ti khoản 1 Điều 321 và Điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000đ trở lên.

...”

“Điều 321. Tội đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm H chính về H vi này hoặc H vi quy định Ti Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định Ti Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải To không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của H vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

H vi các bị cáo đã thực hiện gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bởi lẽ vấn đề cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân gá bạc và đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng. Vì vậy đấu tranh với tội phạm này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với H vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Song trước khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C, Dư Anh T, Nguyễn Văn T đều là người trực tiếp thực hiện H vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng để kiếm lời. Còn bị cáo Nguyễn Văn L là người tổ chức cho các bị cáo đánh bạc, thu tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc) của các đối tượng tham gia đánh bạc cũng như việc thu tiền lãi của bị cáo N, T, C, C nhằm mục đích kiếm lời.

Xét về nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội: Các bị cáo đều là người có trình độ hiểu biết xã hội và pháp luật N định nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Quá trình điều tra, truy tố và Ti phiên tòa hôm nay bị cáo tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Ti điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ti bản án số 38/2018/HSST ngày 26/7/2018 của TAND huyện Cẩm Khê xử phạt Nguyễn Văn L 22.000.000đ về tội Đánh bạc. Hiện nay, L chưa chấp H xong bản án nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm. Ngoài ra bị cáo còn bị ủy ban nhân dân xã Tam S, huyện Cẩm Khê xử phạt 2.500.000đ về H vi Trộm cắp tài sản theo quyết định xử phạt vi phạm H chính số 05/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024. Bị cáo chấp H xong ngày 29/01/2024.

Đối với bị cáo Dư Anh T không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân: Ti quyết định xử phạt vi phạm H chính số 102/QĐ-XPHC ngày 23/10/2020, Dư Anh T bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt 350.000đ về H vi Đánh bạc. Bị cáo chấp H xong ngày 26/10/2020. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và Ti phiên tòa hôm nay bị cáo tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Ti điểm i, s khoản 1 và Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo có nhân thân nhưng ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp H tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân. Ti quyết định xử phạt vi phạm H chính số 20/QĐ-XPHC ngày 20/4/2015, Nguyễn Văn C bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt 500.000đ về H vi Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo chấp H xong ngày 18/5/2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và Ti phiên tòa hôm nay bị cáo tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Ti điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo có nhân thân nhưng ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp H tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân. Ti quyết định xử phạt vi phạm H chính số 28/QĐ-XPHC ngày 20/4/2015, Nguyễn Văn T bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt 2.000.000đ về H vi Cố ý gây thương tích. Bị cáo chấp H xong ngày 18/5/2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và Ti phiên tòa hôm nay bị cáo tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Ti điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo có nhân thân nhưng ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp H tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Đối với bị cáo Trần Văn Q không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là người khuyết tật nặng (theo giấy xác nhận khuyết tật số 25235102 ngày 10/9/2013; quá trình điều tra, truy tố và Tỉ phiên tòa hôm nay bị cáo tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Tỉ điểm i, p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trước lần phạm tội này, bị cáo chấp H tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Các bị cáo N, C, H, H đều không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và Tỉ phiên tòa hôm nay các bị cáo tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Tỉ điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trước lần phạm tội này, các bị cáo N, C, H, H đều chấp H tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của H vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì bị cáo Nguyễn Văn L thì hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo rèn luyện, cải To được tội lỗi mà bị cáo đã phạm. Đối với bị cáo Trần Văn Q chỉ cần áp dụng hình phạt cải To không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo được trừ thời gian Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024 là 03 ngày Tm giữ được quy đổi tH 09 ngày cải To không giam giữ.

Theo quy định Tỉ khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định “Trong thời gian chấp H án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải To không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước...”. Xong xét thấy bị cáo Q là lao động tự do, thu nhập không ổn định, là người khuyết tật nặng nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo cũng như không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Cù T H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Bùi Văn H chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở tH người tốt có ích cho xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Tỉ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Qua xác minh bị cáo Trần Văn Q không có tài sản gì, lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Q là phù hợp. Đối với bị cáo Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Cù T H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Bùi Văn H do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền là phù hợp.

Tỉ khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Qua xác minh bị cáo Nguyễn Văn L không có tài

sản gì, lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

Đối với số tiền 76.500.000đ (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) (đã nộp vào tài khoản Tm gửi của Chi cục Thi H án dân sự huyện Cẩm Khê, có giấy nộp tiền kèm theo) là số tiền các bị cáo chuẩn bị cho các bị cáo vay để đánh bạc, đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 vỏ chăn có hoa văn kích thước 1,8x2 mét, 52 quân bài tú lơ khơ, 01 thảm sập có hoa văn kích thước 1,85 x2mét là những công cụ dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc túi giả da là tài sản riêng của bị cáo L, không liên quan đến H vi phạm tội có giá trị không lớn bị cáo L không đề nghị nhận lại cần tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao, nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng Ti Chi cục thi H án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ ngày 23/8/2024).

Trong vụ án này, khi các đối tượng đánh bạc có anh Nguyễn Văn Nhung, Trần Văn Thu đến xem nhưng không tham gia đánh bạc cùng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn S: anh S nhờ L trông hộ nhà, việc L tổ chức đánh bạc anh S không biết và L cũng không nói cho anh S biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê không đề cập xử lý.

[6]. Về án phí: Bị cáo Q là người khuyết tật nặng nên miễn án phí hình sơ thẩm cho bị cáo Các bị cáo phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Trần Văn Q, Cù T H, Bùi Văn H phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ khoản 1 Điều 322 tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp H hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi H án, được khấu trừ thời gian Tm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dư Anh T 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Xử phạt Nguyễn Văn C 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Xử phạt Nguyễn Văn T 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Xử phạt Nguyễn Văn N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt Nguyễn Văn C 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt Cù T H 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Xử phạt Bùi Văn H 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với Trần Văn Q.

Xử phạt Trần Văn Q 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 17/4/2024 là 03 ngày được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi H 06 (sáu) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Cẩm Khê nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp H hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định Tỉ khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo do bị cáo là người khuyết tật nặng. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án về cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định thi Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy định tại Điều 100 Luật thi H án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: số tiền 76.500.000đ (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) (đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, có giấy nộp tiền kèm theo).

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ chăn có hoa văn kích thước 1,8x2 mét, 52 quần bài tú lơ khơ, 01 thảm sôp có hoa văn kích thước 1,85 x2mét; 01 chiếc túi giả da.

(Theo biên bản giao, nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ ngày 23/8/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Q.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Dư Anh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Cù T H, Bùi Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự, các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự, nếu không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Ti Điều 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt được quyền kháng cáo; Người có quyền liên nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Cơ quan Thi H án hình sự CA huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã N và UBND xã T;
- Bị cáo;
- Lưu HS+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt D